

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Môn thi: LH-Lý thuyết chuyên môn - 1210151

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
1	Đỗ Ngọc	Bảo	17/05/2003	0.00	7.80			CĐLH17N05	
2	Thành Thu	Lan	03/09/2003	0.00	7.80			CĐLH17N07	
3	Nguyễn Duyên Anh	Tuyền	06/01/2002	4.00	6.60			CĐLH16N15	
4	Đặng Như	An	10/05/2003	7.95				CĐLH19N02	
5	Thiều Ngọc Minh	Anh	21/04/2005	7.95				CĐLH19N09	
6	Vương Nguyễn Quốc	Bảo	10/02/2005	7.10				CĐLH19N07	
7	Trần Ngọc Bảo	Châu	20/05/2004	8.45				CĐLH18N05	
8	Huỳnh Văn	Chương	22/06/2005	6.55				CĐLH19N11	
9	Huỳnh Ngọc	Danh	22/01/2005	8.00				CĐLH19N10	
10	Võ Thị Hồng	Đào	23/02/2005	7.90				CĐLH19N06	
11	Huỳnh Thu	Đoan	14/04/2004	6.85				CĐLH19N04	
12	Dương Thị Thu	Đông	25/01/2005	7.55				CĐLH19N07	
13	Trần Hải	Dương	06/10/2004	8.18				CĐLH19N06	
14	Lê Thanh	Duy	13/03/2005	7.10				CĐLH19N08	
15	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	04/11/2005	8.48				CĐLH19N03	
16	Kiều Ngọc	Giàu	13/09/2004	7.15				CĐLH18N09	
17	Ngô Thị Ngọc	Hân	14/04/2005	8.25				CĐLH19N12	
18	Lê Thị Thúy	Hằng	11/06/2005	7.40				CĐLH19N04	
19	Trần Thị Thuý	Hằng	20/12/2005	7.25				CĐLH19N02	
20	Lê Công	Hậu	13/11/2005	8.28				CĐLH19N12	
21	Phạm Ngọc	Hòa	10/04/2001	8.18				CĐLH19N01	
22	Phạm Trương Minh	Hoàng	01/06/2004	8.40				CĐLH18N05	
23	Võ Phương	Hoàng	17/10/2005	8.60				CĐLH19N12	
24	Đinh Thị Huỳnh	Hương	24/02/2005	8.02				CĐLH19N06	
25	Nguyễn Ngọc Thùy	Hương	23/09/1999	7.62				CĐLH19N01	
26	Nguyễn Thị Xuân	Huy	10/04/2005	6.60				CĐLH19N07	
27	Nguyễn Trường	Huy	05/05/2005	7.28				CĐLH19N07	
28	Ngô Mộng Mỹ	Huyền	06/08/2004	8.38				CĐLH19N02	
29	Trần Thị Mỹ	Huyền	25/07/1999	6.98				CĐLH18N11	
30	Đoàn Tấn	Kiệt	24/11/2004	7.68				CĐLH19N01	
31	Võ Thị Như	Kiều	06/06/2004	8.18				CĐLH19N02	
32	Trần Thị	Lài	28/12/2005	5.85				CĐLH19N03	
33	Nguyễn Thị Diễm	Lệ	21/10/2004	8.35				CĐLH19N01	
34	Nguyễn Hoa Chi	Linh	27/09/2005	8.10				CĐLH19N03	
35	Nguyễn Ngọc Ánh	Linh	15/01/2004	8.28				CĐLH19N08	
36	Nguyễn Phi	Long	26/11/2005	8.05				CĐLH19N05	
37	Hoàng Thị	Lý	05/04/2005	7.50				CĐLH19N08	
38	Trần Xuân	Mai	25/11/2004	7.15				CĐLH19N01	
39	Vũ Trà	My	15/09/2005	8.05				CĐLH19N03	
40	Huỳnh Thu	Ngân	12/6/2004	6.28				CĐLH18N08	
41	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	02/03/2005	7.42				CĐLH19N07	
42	Ngô Thị Đông	Nghi	01/01/2004	6.58				CĐLH18N06	
43	Bùi Nguyên	Ngọc	17/09/2005	8.10				CĐLH19N05	
44	Lê Huỳnh Như	Ngọc	05/12/2004	8.45				CĐLH19N01	
45	Lê Trần Giáng	Ngọc	27/09/2003	7.95				CĐLH19N01	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
46	Cao Thị Thu	Nguyệt	16/04/2005	8.32			CĐLH19N06	
47	Lê Thị Yên	Nhi	09/09/2005	7.90			CĐLH19N09	
48	Nguyễn Ngọc Lan	Nhi	02/01/2005	7.42			CĐLH19N03	
49	Nguyễn Hoàng Hào	Nhiên	23/08/2005	7.58			CĐLH19N10	
50	Lâm Tâm	Như	27/07/2005	7.90			CĐLH19N03	
51	Trần Hoàng Quỳnh	Như	17/04/2005	6.65			CĐLH19N08	
52	Nguyễn Võ Tuyên	Nhung	23/04/2002	8.38			CĐLH19N01	
53	Châu Minh	Nhật	02/09/2005	7.75			CĐLH19N07	
54	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	07/12/2004	6.15			CĐLH19N02	
55	Lê Đức	Phổ	02/07/2005	7.08			CĐLH19N07	
56	Lê Thị	Phương	19/07/2005	7.85			CĐLH19N10	
57	Trần Thị Yên	Phương	02/01/2005	7.92			CĐLH19N03	
58	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	29/12/2005	7.42			CĐLH19N06	
59	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	12/10/2005	7.68			CĐLH19N10	
60	Võ Thị Kim	Quyên	23/11/2005	8.10			CĐLH19N05	
61	Lê Dương	Quỳnh	12/12/2005	6.72			CĐLH19N10	
62	Nguyễn Mộng Như	Quỳnh	22/10/2005	8.18			CĐLH19N08	
63	Dương Tấn	Tài	07/04/2005	8.40			CĐLH19N12	
64	Lê Minh	Tài	05/02/2005	7.08			CĐLH19N04	
65	Lê Đỗ Thanh	Thảo	27/04/1998	7.30			CĐLH19N01	
66	Lê Thị Như	Thảo	07/09/2005	6.98			CĐLH19N03	
67	Nguyễn Lê Hiếu	Thảo	04/05/2005	7.98			CĐLH19N08	
68	Trần Chí	Thịnh	29/04/2005	7.42			CĐLH19N09	
69	Hồ Lý Anh	Thư	18/10/2003	7.78			CĐLH19N01	
70	Huỳnh Thị Anh	Thư	10/03/2004	7.08			CĐLH18N09	
71	Lê Trần Minh	Thư	26/07/2005	8.02			CĐLH19N06	
72	Phạm Anh	Thư	21/06/2005	7.42			CĐLH19N08	
73	Đoàn Thị Ngọc	Thương	21/06/2004	8.18			CĐLH19N03	
74	Nguyễn Thị Phương	Thúy	22/06/2001	7.80			CĐLH19N01	
75	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	17/03/2004	8.25			CĐLH19N01	
76	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	04/11/2003	7.20			CĐLH19N01	
77	Nguyễn Phan Bảo	Toàn	25/11/2003	8.90			CĐLH19N09	
78	Trần Ngọc Bảo	Trâm	21/02/2004	7.65			CĐLH19N01	
79	Võ Ngọc	Trâm	10/03/2004	3.00	6.18		CĐLH18N06	
80	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	28/01/2005	7.60			CĐLH19N07	
81	Lê Thị Thùy	Trang	07/07/2005	6.92			CĐLH19N08	
82	Nguyễn Thị Đoan	Trang	12/07/2005	7.02			CĐLH19N07	
83	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/09/2003	8.05			CĐLH19N03	
84	Phan Thị Yên	Trang	22/09/2005	8.12			CĐLH19N03	
85	Phan Thế	Trí	02/08/2005	7.62			CĐLH19N02	
86	Huỳnh Thanh	Trúc	06/02/2005	8.60			CĐLH19N03	
87	Nguyễn Như	Trường	21/04/2004	7.55			CĐLH19N12	
88	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	23/02/2005	7.62			CĐLH19N06	
89	Bùi Ngọc Minh	Tuyết	01/05/2005	8.65			CĐLH19N06	
90	Đỗ Thị Tường	Vy	13/08/2004	7.55			CĐLH19N01	
91	Nguyễn Thị Thanh	Vy	18/11/2005	6.75			CĐLH19N09	
92	Trần Ngọc Thúy	Vy	09/05/2005	7.75			CĐLH19N04	
93	Sam Ngọc Như	Ý	28/10/2005	6.62			CĐLH19N07	
94	Thạch Thị Như	Ý	02/03/2005	6.80			CĐLH19N02	
95	Nguyễn Thị Ngọc	Yên	22/10/2005	7.48			CĐLH19N02	
96	Nguyễn Thị Kim	Yến	01/10/2004	7.95			CĐLH19N03	